TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST Ngày: 15-01-2021 Về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Minh.

Ông Hồng Chí Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Tiền G, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Trương Thị Tiền G trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn L kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện N, tỉnh C, hôn nhân giữa chị và anh L là tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, sống với nhau không hạnh phúc, gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và hiện chị với anh L đã ly thân với nhau đã hơn 06 tháng. Nay cảm thấy vợ chồng không còn chung sống được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn L.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Tuấn L có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/4/2013, hiện đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/12/2020, anh Nguyễn Tuấn L trình bày*:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Tiền G kết hôn với nhau vào năm vào ngày 19/4/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện N, tỉnh C, hôn nhân giữa chị và anh L là tự nguyện.

Quá trình chung sống cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất hòa gia đình thường xảy ra. Xét thấy không thể hòa hợp được dù đã hàn gắn nhiều lần nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trương Thị Tiền G.

Về nuôi con chung: Anh và chị Trương Thị Tiền G có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/4/2013, hiện đang sống cùng với chị G. Tuy nhiên, con chung đã trên 07 tuổi nên anh tôn trọng nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Tiền G khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn L địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Tuấn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung: Chị Trương Thị Tiền G và anh Nguyễn Tuấn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện N, tỉnh C theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa chị G và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị G trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, sống với nhau không hạnh phúc, gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và hiện chị với anh L đã ly thân với nhau đã hơn 06 tháng. Nay chị G xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn. Anh L thừa nhận trong quá trình chung sống cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất hòa gia đình thường xảy ra, sống với nhau không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy mẫu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu của chị G là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tiền G đối với anh Nguyễn Tuấn L.

Cho chị Trương Thị Tiền G được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn L (chị G và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2012 ngày 26/4/2012).

Về con chung: Chị Trương Thị Tiền G và anh Nguyễn Tuấn L có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/4/2013. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh L xác định con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Tại đơn nguyện vọng ngày 22/12/2020, con chung tên Nguyễn Tuấn K có nguyện vọng được sống với chị G. Do đó, giao người con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/4/2013 cho chị G trực tiếp nuôi là phù hợp.

Anh Nguyễn Tuấn L không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này nhưng anh L không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị G.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trương Thị Tiền G không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trương Thị Tiền G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 11 năm 2020, chị G đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006419 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm chị Trương Thị Tiền G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tiền G đối với anh Nguyễn Tuấn L.

Cho chị Trương Thị Tiền G được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn L (chị G và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C theo giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2012 ngày 26/4/2012).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/4/2013 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tuấn L không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này nhưng anh L không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị G.

Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trương Thị Tiền G phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 11 năm 2020, chị G đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006419 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm chị Trương Thị Tiền G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tam Giang Tây;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi